

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN THANH NIÊN CÔNG SẢN HỒ CHÍ MINH



THÔNG TIN NỘI BỘ

THÁNG 10/2021

*Tài liệu tham khảo dành cho
Cán bộ Đoàn chuyên trách cấp tỉnh, cấp Trung ương*

MỤC LỤC

1. Các chủ trương của Ban Bí thư, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn tháng 10 năm 2021 **02**
2. Tình hình công tác cán bộ của cơ quan Trung ương Đoàn và các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc thời gian gần đây **04**
3. Một số mô hình tiêu biểu trong công tác Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và phong trào thanh niên 9 tháng đầu năm 2021..... **06**
4. Thông tin chuyên đề của Ban Kinh tế Trung ương: Xây dựng và phát triển đô thị thông minh, kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam..... **08**
5. Báo cáo của Tập đoàn Navigos Group Việt Nam: Chân dung thế hệ Z – Sinh viên mới ra trường và xu hướng phát triển sự nghiệp **20**

CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA BAN BÍ THƯ, BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐOÀN THÁNG 10 NĂM 2021

1. Chương trình giao lưu trực tuyến “Tuổi trẻ Việt Nam - Những câu chuyện đẹp”

Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành Kế hoạch số 422-KH/TWĐTN-BTG ngày 22/9/2021 về tổ chức chương trình giao lưu trực tuyến “*Tuổi trẻ Việt Nam - Những câu chuyện đẹp*”. Chương trình được tổ chức nhằm sơ kết 03 năm thực hiện Hướng dẫn số 06 - HD/TWĐTN-BTG, ngày 04/5/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp*” trên mạng xã hội; góp phần triển khai thực hiện Kế hoạch số 407 - KH/TWĐTN-BTG ngày 30/7/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

2. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ

- Trung ương Đoàn ban hành Kế hoạch số 429-KH/TWĐTN-BTC ngày 12/10/2021 về tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đoàn trong các trường trung học phổ thông năm 2021 bằng hình thức trực tuyến. Chương trình nhằm cập nhật kiến thức mới, những chủ trương của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm học 2021- 2022; từng bước nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Đoàn chủ chốt trong các trường trung học phổ thông.

- Trung ương Đoàn ban hành Kế hoạch số 416-KH/TWĐTN-BTC ngày 01/9/2021

về tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đoàn trong các trường Đại học, Cao đẳng năm 2021 bằng hình thức trực tuyến. Chương trình nhằm cập nhật kiến thức mới, những chủ trương của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong công tác sinh viên; từng bước nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Đoàn chủ chốt trong các trường đại học, cao đẳng.

- Trung ương Đoàn ban hành Kế hoạch số 426-KH/TWĐTN-BTC ngày 07/10/2021 về tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Văn phòng năm 2021 bằng hình thức trực tuyến. Chương trình nhằm cập nhật kiến thức, nâng cao nghiệp vụ công tác Văn phòng cho cán bộ phụ trách công tác Văn phòng các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc.

3. Kế hoạch tổ chức Đại hội Diễm Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp

Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành Kế hoạch số 437-KH/TWĐTN-BTC ngày 27/10/2021 về tổ chức Đại hội Diễm Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp. Kế hoạch là căn cứ để tạo sự thống nhất và đồng bộ trong quá trình tổ chức Đại hội diễm tại các địa phương, đơn vị.

4. Hướng dẫn tổ chức Đại hội Đoàn các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022-2027

Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành Hướng dẫn số 66-HD/TWĐTN-BTC ngày 01/11/2021 về việc hướng dẫn tổ chức Đại hội Đoàn các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022-2027. Hướng dẫn là cơ sở, căn cứ để các địa phương, đơn vị tổ chức thành công Đại hội Đoàn các cấp.

5. Xây dựng Sách trắng về thanh niên khởi nghiệp năm 2021

Trung ương Đoàn phối hợp với Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam xây dựng Sách trắng về thanh niên khởi nghiệp năm 2021. Sách trắng về thanh niên khởi nghiệp là tài liệu cần thiết giúp cơ quan quản lý nhà nước trong việc hoạch định chính sách đối với thanh niên khởi nghiệp; đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho tổ chức, cá nhân trong hỗ trợ, tạo điều kiện, môi trường cho thanh niên khởi nghiệp; định hướng thanh niên ý thức khởi nghiệp và khởi nghiệp thành công.

6. Thành lập các tổ tư vấn xây dựng các Đề án thực hiện Chiến lược phát triển Thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030

Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành các Quyết định thành lập Tổ tư vấn đối với các Đề án “Nâng cao năng lực số cho thanh thiếu nhi Việt Nam giai đoạn 2022-2030”; Đề án “Nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế cho thanh thiếu niên Việt Nam giai đoạn 2022-2030”; Đề án “Tăng cường năng lực quản lý, điều phối hoạt động tình nguyện cho đội ngũ cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam các cấp”; Đề án “Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030”.

7. Các chủ trương, chương trình mới trong thích ứng dịch bệnh Covid-19

- **Chương trình “Cùng em học trực tuyến”** Nhằm động viên, hỗ trợ kịp thời việc học tập trực tuyến cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh triển khai Kế hoạch số

417-KH/TWĐTN-CTTN ngày 08/9/2021 về tổ chức Chương trình “*Cùng em học trực tuyến*”. Chương trình sẽ vận động hỗ trợ, trao tặng các trang thiết bị công nghệ, ứng dụng công nghệ, viễn thông hỗ trợ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 có điều kiện được tham gia học trực tuyến, bảo đảm công bằng cho tất cả các em học sinh trong tiếp cận phương thức dạy và học mới.

- Chương trình cộng đồng “Nói vòng tay thương”

Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội với sự đồng hành của các đối tác ban hành Kế hoạch số 424-KH/TWĐTN-ĐKTHTN ngày 24/9/2021 về tổ chức Chương trình cộng đồng “*Nói vòng tay thương*” nhằm lan toả tinh thần nhân ái, sẻ chia trong cộng đồng và chăm lo, đồng hành với người dân và thanh thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19; tiếp tục chăm lo, hỗ trợ trẻ em mồ côi do đại dịch Covid-19.

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐOÀN VÀ CÁC TỈNH, THÀNH ĐOÀN, ĐOÀN TRỰC THUỘC THỜI GIAN GẦN ĐÂY

I. CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐOÀN

1. Luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ

- Phân công đồng chí Trịnh Thị Mai Phương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Phó trưởng ban Phụ trách Ban Quốc tế Trung ương Đoàn giữ chức Quyền Trưởng ban Quốc tế Trung ương Đoàn, kể từ ngày 01/9/2021.

- Bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Ngọc Toàn, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng biên tập thường trực Báo Thanh niên giữ chức vụ Tổng biên tập Báo Thanh niên kể từ ngày 01/11/2021.

- Điều động đồng chí Cù Đức Quân, Trưởng phòng Tổng hợp - Thi đua, Văn phòng Trung ương Đoàn sang làm việc tại Ban Tuyên giáo Trung ương Đoàn và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Tuyên giáo trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01/10/2021.

- Bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Xuân Hiếu, chuyên viên Ban Đoàn kết tập hợp thanh niên Trung ương Đoàn, Chánh Văn phòng Trung ương Hội LHTN Việt Nam giữ chức Phó trưởng ban Đoàn kết tập hợp thanh niên Trung ương Đoàn trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 15/9/2021.

- Điều động đồng chí Lê Thu Anh, Phó giám đốc Trung tâm Truyền hình Thanh niên sang làm việc tại Ban Phát thanh thanh thiếu nhi và bổ nhiệm giữ chức Phó trưởng ban Phát thanh thanh thiếu nhi, kể từ ngày 01/9/2021.

2. Thuyên chuyển, tiếp nhận và cử cán bộ đi đào tạo thực tế tại cơ sở

- Cử đồng chí Nguyễn Xuân Hiếu, Phó trưởng ban Đoàn kết tập hợp thanh niên Trung ương Đoàn đi đào tạo thực tế tại

Tỉnh đoàn Bắc Giang, kể từ ngày 01/11/2021.

- Thuyên chuyển đồng chí Nguyễn Thanh Hương, chuyên viên Ban Thanh niên Nông thôn Trung ương Đoàn đến công tác tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kể từ ngày 01/9/2021.

- Cử đồng chí Hoàng Đức Nam, chuyên viên Ban Tuyên giáo Trung ương Đoàn đi đào tạo thực tế tại Tỉnh đoàn Thái Nguyên, kể từ ngày 01/9/2021.

- Tiếp nhận đồng chí Trần Thị Lý, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh đoàn, chuyên viên Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn Đồng Nai đến công tác tại Ban Tuyên giáo Trung ương Đoàn, kể từ ngày 01/9/2021.

II. CÁC TỈNH, THÀNH ĐOÀN, ĐOÀN TRỰC THUỘC

1. Các đồng chí chuyển công tác khỏi Đoàn

- Đồng chí Phạm Thị Thùy Dung, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh đoàn Hậu Giang được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang điều động đến công tác tại Ban Dân vận Tỉnh ủy và bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy Hậu Giang.

- Đồng chí Trương Thanh Thúy, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh đoàn Kiên Giang được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang điều động đến công tác tại Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang và được Liên đoàn Lao động tỉnh bầu giữ chức Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Kiên Giang.

- Đồng chí Võ Kim Chuyên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Bí thư Tỉnh đoàn Sóc Trăng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng điều động đến công tác tại Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

và được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức Trưởng Ban Văn hóa xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đồng chí Võ Quốc Khánh, Phó Bí thư Tỉnh đoàn Tây Ninh được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh điều động đến công tác tại Hội đồng nhân dân tỉnh và được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức Phó Trưởng Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Các đồng chí được kiện toàn mới

- Đồng chí Triệu Thị Ngọc Diễm - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, nhiệm kỳ 2020-2025, Phó Chủ tịch UBND thị xã Vĩnh Châu, nhiệm kỳ 2021-2026, thời gian tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thị ủy Vĩnh Châu nhiệm kỳ 2020-2025 được điều động đến công tác tại cơ quan Tỉnh đoàn và giới thiệu bầu

tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và giữ chức Bí thư Tỉnh đoàn Sóc Trăng, nhiệm kỳ 2017-2022.

- Đồng chí Đỗ Khắc Dũng, Chuyên viên Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương được bầu giữ chức Phó Bí thư Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương.

- Đồng chí Phạm Xuân Khánh, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Xây dựng Đoàn Tỉnh đoàn Quảng Trị được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh đoàn Quảng Trị.

- Đồng chí Phùng Tố Linh, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh đoàn Thanh Hóa được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh đoàn Thanh Hóa.

MỘT SỐ MÔ HÌNH TIÊU BIỂU TRONG CÔNG TÁC HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VÀ PHONG TRÀO THANH NIÊN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Chương trình “Triệu chai nước - Triệu lời chúc tuyến đầu”

Đơn vị: Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam

Nội dung: Chương trình “Triệu chai nước - Triệu lời chúc tuyến đầu” do Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp Công ty TNHH nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam thực hiện. Chương trình sẽ tài trợ 01 triệu chai nước (là các sản phẩm do Suntory PepsiCo Việt Nam sản xuất) để tiếp sức cho những y bác sĩ, tình nguyện viên, chiến sĩ... ở tuyến đầu chống dịch Covid-19.

Quá trình triển khai và kết quả đạt được: Chương trình đã trao tặng 1 triệu chai nước (tổng giá trị 2 tỷ 800 triệu đồng) cho lực lượng tuyến đầu, các chốt phòng chống dịch tại 21 tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Bình, Hưng Yên, Long An, Hà Nội, Đà Nẵng, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Điện Biên, Hải Dương, Tiền Giang, Hà Nam, Nghệ An, Hòa Bình, Lào Cai, Bình Thuận, Phú Yên.

2. Chương trình “Chuyến xe tình nghĩa Doanh nhân trẻ Việt Nam”

Đơn vị: Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam

Nội dung: Chương trình là một trong những hoạt động thiết thực của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam nhằm chia sẻ với cộng đồng thông qua nguồn kinh phí từ Quỹ trang thiết bị và vật dụng y tế cứu trợ khẩn cấp COVID-19 của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam.

Quá trình triển khai và kết quả đạt được: Chương trình đã hỗ trợ 2 tỷ đồng kinh phí để mua 05 xe ô tô 16 chỗ đã qua sử dụng cải tiến thành xe cứu thương triển khai nhằm hỗ trợ chở các bệnh nhân Covid-19 đang trong cơn nguy kịch, hoặc

chuyên chở oxy, trang thiết bị y tế. Bên cạnh đó, chương trình cũng hỗ trợ 20 máy thở, 7.000 kit xét nghiệm nhanh COVID-19, 700 thùng nước trị giá hơn 2 tỷ đồng trao tặng cho các địa phương.

3. Mô hình ATM Oxy

Đơn vị: Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương...

Giới thiệu tổng quát: Dự án ATM Oxy nhằm kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ các trường hợp khó khăn trong việc đổi trả, tiếp cận nguồn cung cấp bình oxy nhằm duy trì việc điều trị, chữa bệnh tại nhà.

Quá trình triển khai và kết quả đạt được: Tại thành phố Hồ Chí Minh, mô hình triển khai đã quyên góp được hơn 12 tỷ đồng và hiện đã thành lập, vận hành được 23 trạm lưu trữ và cung cấp Oxy cho người dân có nhu cầu đổi bình hoặc cấp cứu các trường hợp F0. Tại Long An và Bình Dương, triển khai hỗ trợ gần 2.000 bình Oxy, hơn 5.000 lượt bơm tái sử dụng trên các bình Oxy cũ chuyển về và các van đồng hồ, mặt nạ, ống thở mới theo tiêu chuẩn.

4. Mô hình “Chuyến xe yêu thương”

Đơn vị tiêu biểu: Phú Yên, Bình Phước, Cà Mau, Tây Ninh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bạc Liêu, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh...

Giới thiệu tổng quát: Chương trình nhằm trao tặng hàng nghìn suất quà gồm các nhu yếu phẩm, nước rửa tay sát khuẩn, khẩu trang y tế, gạo, nông sản, nước suối... cho người dân vùng bị cách ly, phong tỏa phòng chống dịch Covid-19. Bên cạnh đó, là những chuyến xe đưa bà con về quê từ vùng dịch.

Quá trình triển khai và kết quả đạt được: Tiêu biểu tại Phú Yên, mô hình đã triển khai trao tặng 350 suất quà nhu yếu

phẩm; 500 chai sát khuẩn 330ml; 600 chai nước tương; 700 lon yến; 1.000 khẩu trang y tế các loại; 1.000 bộ trang bị bảo hộ y tế phòng, chống dịch Covid-19 và 500 mặt nạ chống giọt bắn; 1.100 hộp sữa; 2.000 chai nước uống Vitamin; 3.000 kg gạo; 3.000 suất cơm; 7.800 chai nước suối; 16.500 gói mì;... Tại Thành phố Hồ Chí Minh, chuyến xe yêu thương do Tỉnh đoàn Khánh Hòa phối hợp với Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh và câu lạc bộ doanh nhân Khánh Hòa - Sài Gòn đã hỗ trợ đưa 1.500 sinh viên Khánh Hòa bị mắc kẹt tại Thành phố Hồ Chí Minh trở về quê hương.

5. Mô hình “Thư viện Thanh niên”

Đơn vị tiêu biểu: Đă Nẵg, Nghệ An, Bà Rịa Vũng Tàu, Bắc Ninh, Sơn La, Quảng Ninh, Thành đoàn Hà Nội, Thái Nguyên, Hà Nam, Yên Bái...

Giới thiệu tổng quát: Mô hình nhằm đẩy mạnh phong trào hành động của đoàn viên thanh niên, học sinh và người dân trong việc xây dựng văn hóa đọc trong thanh thiếu nhi, thông qua tổ chức các hoạt động cụ thể tại thư với nhiều hình thức khác nhau bằng ngày hội, hành trình đều xuất phát tại thư viện, các trò chơi dân gian, thi xếp sách,...

Quá trình triển khai và kết quả đạt được: Mô hình thư viện được mở cửa thường xuyên đón hàng ngàn lượt thanh

niên, thiếu nhi đến tham gia vui chơi và đọc sách. Từ đó, góp phần vào việc đoàn kết tập hợp thanh niên tại địa phương có hiệu quả hơn.

6. Mô hình “Mỗi chi Hội - một mô hình phát triển kinh tế”

Đơn vị tiêu biểu: Đăk Nông, Thái Nguyên, Hà Tĩnh, Gia Lai, Lâm Đồng, Tiền Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, An Giang, Bình Thuận, Lào Cai...

Giới thiệu tổng quát: Mô hình giúp đẩy mạnh hơn nữa phong trào thanh niên thi đua làm giàu ngay trên chính quê hương, đồng hành cùng Hội viên, thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp, qua đó, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, tạo nền tảng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia "Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)".

Quá trình triển khai và kết quả đạt được: Thông qua các mô hình kinh tế đã tạo cơ hội cho Hội viên, thanh niên trên địa bàn được tiếp cận các mô hình kinh tế có áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong trồng trọt, sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện, thế mạnh của nền kinh tế địa phương. Qua đó, tạo dựng được những mô hình phát triển kinh tế hiệu quả, giúp thanh niên vươn lên thoát nghèo.

CHUYÊN ĐỀ: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH, KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

(Nguồn: Ban Kinh tế Trung ương)

1. Tổng quan về đô thị thông minh

1.1. Xây dựng đô thị thông minh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công lần thứ tư

Khái niệm đô thị thông minh:

Khái niệm đô thị thông minh xuất hiện và được xây dựng dựa trên những sáng kiến từ đầu những năm 1970 về đô thị điều khiển học, đô thị ảo, đô thị số, đô thị tri thức, đô thị đổi mới... và giao thoa với những mô hình đô thị hiện tại như đô thị bền vững, đô thị an toàn, đô thị sinh thái, đô thị xanh, đô thị sống tốt... Mỗi quốc gia, mỗi thành phố khác nhau xây dựng đô thị thông minh theo những tiêu chí, những lĩnh vực khác nhau, tùy thuộc vào quy mô, tính chất đô thị, điều kiện kinh tế, văn hoá - xã hội, mức độ đầu tư mong muốn và các vấn đề đô thị phải đối mặt. Đô thị thông minh không phải là một sản phẩm cụ thể theo một mẫu mô hình nào đó mà là một khung các định hướng và hành động nhằm áp dụng công nghệ thông minh vào các lĩnh vực để các chức năng của đô thị được hình thành và hoạt động hiệu quả hơn trên quan điểm phát triển đô thị bền vững sẵn có.

Hiện nay, trên thế giới tồn tại nhiều khái niệm khác nhau về đô thị thông minh được đưa ra bởi nhiều học giả, nhiều nhà nghiên cứu, với những quan điểm và cách tiếp cận riêng. Trong đó, khái niệm về đô thị thông minh bền vững của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) và Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên hợp quốc (UNECE) đưa ra vào tháng 4/2015 được cho là toàn diện nhất. Theo đó, *đô thị thông minh bền vững là đô thị đổi mới, được ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông và các phương tiện khác để*

cải thiện chất lượng cuộc sống, hiệu quả, quản lý vận hành, cung cấp dịch vụ và mức độ cạnh tranh của đô thị, trong khi vẫn bao đảm đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai về mọi khía cạnh kinh tế, môi trường, văn hoá và xã hội.

Là một nước đi sau về xây dựng đô thị thông minh, nên hầu hết các khái niệm về đô thị thông minh của Việt Nam đều trên cơ sở kế thừa hệ thống khái niệm của các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học trên thế giới. Bên cạnh đó, căn cứ tình hình thực tiễn, Việt Nam đưa ra các nội hàm của khái niệm đô thị thông minh phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước. Nhìn chung, khái niệm đô thị thông minh ở Việt Nam được hiểu như sau: *Đô thị thông minh là đô thị hoặc khu vực cư dân ứng dụng các công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp, tin cậy, có tính đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cung cấp các dịch vụ công, phát huy các nguồn lực của đô thị có sự tham gia của người dân; nâng cao chất lượng cuộc sống và làm việc của cộng đồng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo phát triển kinh tế; đồng thời bảo vệ môi trường trên cơ sở tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin giữa các hệ thống và dịch vụ.*

Tóm lại, khái niệm đô thị thông minh là một khái niệm có tính mở. Việc lựa chọn các mục tiêu phát triển đô thị khác nhau như đô thị sinh thái, đô thị bền vững, đô thị công nghệ... trên nền tảng ứng dụng giải pháp đô thị thông minh sẽ dẫn tới những khái niệm mô hình đô thị

thông minh tương ứng. Do đó, việc phát triển đô thị thông minh ở mỗi quốc gia, mỗi thành phố cần lựa chọn một định hướng khái niệm cụ thể trên cơ sở hiểu rõ mục tiêu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của đô thị.

1.2. Tác động tích cực và tiêu cực của đô thị thông minh

1.2.1. Tác động tích cực

Nhiều chính quyền thành phố trên toàn thế giới đã áp dụng các chiến lược chuyển đổi thành phố thành đô thị thông minh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các nỗ lực bền vững về môi trường và cung cấp các dịch vụ mới cho người dân. Điều này cũng giúp các thành phố vượt qua những thách thức do sự vận hành của các hệ thống cơ sở hạ tầng truyền thống tạo ra. Mô hình đô thị thông minh sẽ tối ưu hoá các dịch vụ cho người dân cũng như các doanh nghiệp và giúp đỡ tất cả các bên liên quan có được lợi ích về xã hội, kinh tế và môi trường. Một số lợi ích chủ yếu của đô thị thông minh là:

- *Đưa ra các quyết định dựa trên dữ liệu và hiệu quả hơn:* Việc thu thập và phân tích dữ liệu đô thị nếu được thiết kế tốt sẽ mang lại cho các nhà quản lý khả năng truy cập và phân tích một lượng lớn dữ liệu, nhằm thu được thông tin hữu ích và có ý nghĩa phục vụ cho quá trình ra quyết định. Khi có thể theo dõi các chỉ số trong thời gian thực, mức độ hài lòng đối với các dịch vụ được cung cấp của người dân và doanh nghiệp sẽ tăng lên nhanh chóng.

- *Dịch vụ giao thông vận tải và đi lại cho người dân được thực hiện tốt hơn:* Hệ thống giao thông kết nối và được kiểm soát, theo dõi theo thời gian thực sẽ giúp giảm thời gian đi lại, giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải các loại khí gây ô nhiễm môi trường. Từ việc cải thiện quản lý giao thông đến khả năng

theo dõi vị trí xe buýt và tàu điện,... công nghệ thông minh cho phép nâng cao chất lượng giao thông nói chung, đặc biệt là giao thông công cộng trong thành phố.

- *Xây dựng được một cộng đồng an toàn hơn:* Một đô thị thông minh phải là một thành phố an toàn hơn. Nhờ sử dụng các tiến bộ công nghệ như nhận dạng biển số xe, camera quan sát (camera an ninh) theo dõi giao thông, tỉ lệ tội phạm trong các đô thị thông minh sẽ giảm xuống do thông tin về tội phạm được thu thập đa dạng hơn, nhanh hơn và kịp thời hơn.

- *Cung cấp các dịch vụ công hiệu quả hơn:* Các công nghệ thông minh cho phép các thành phố tiếp cận những công cụ cần thiết để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn nguyên liệu và nhiên liệu đầu vào như hệ thống cấp nước thông minh giúp giảm thất thoát nước; hệ thống chiếu sáng thông minh giúp tiết kiệm điện năng hơn; các dịch vụ công trực tuyến giúp người dân tiết kiệm thời gian và chi phí giao dịch;...

- *Giảm tác động tiêu cực đến môi trường:* Các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, cảm biến chất lượng không khí và các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cho phép giảm tác động tiêu cực tới môi trường. Ví dụ: Hệ thống quản lý giao thông thông minh ở Stockholm (Thụy Điển) đã giảm 20% lưu lượng, 50% thời gian đi lại, 10% phát thải vào giờ cao điểm; sau khi lắp đặt hệ thống quản lý nước thông minh, thành phố Mumbai (Ấn Độ) đã giảm 50% tỉ lệ thất thoát nước; các giải pháp tòa nhà thông minh ở Mỹ giúp tiết kiệm 30% lượng nước tiêu thụ, 40% năng lượng, 10% đến 30% chi phí vận hành.

- *Tăng cường sự bình đẳng trong tiếp cận công nghệ số:* Để bảo đảm quyền bình đẳng của người dân trong việc tiếp cận các công nghệ số và các dịch vụ được cung cấp tại các đô thị thông minh, mọi

người phải có quyền truy cập vào các dịch vụ Internet tốc độ cao với giá cả phải chăng. Các đô thị thông minh cung cấp các địa điểm truy cập Wifi công cộng chất lượng cao trong toàn thành phố, do đó giúp tăng cường sự bình đẳng giữa người dân trong việc tiếp cận và sử dụng các thành tựu của đô thị thông minh.

- *Mang lại những cơ hội phát triển kinh tế mới:* Đầu tư vào các đô thị thông minh ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong khu vực và toàn cầu của các thành phố, nhằm thu hút cư dân và doanh nghiệp mới tới đầu tư tại các đô thị. Bên cạnh đó, bằng cách cung cấp một nền tảng dữ liệu mở có khả năng truy cập thông tin thành phố, các công ty có thể nâng cao chất lượng của quá trình ra quyết định nhờ sử dụng kết quả của việc phân tích dữ liệu của các công nghệ tích hợp đô thị thông minh.

- *Cải thiện và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng:* Cầu đường và các toà nhà cũ thường đòi hỏi chi phí bảo trì và sửa chữa lớn trong suốt thời gian sử dụng. Công nghệ thông minh có thể giúp các thành phố phân tích và dự đoán chính xác để xác định các khu vực cần được xử lý, giải quyết trước khi xảy ra sự cố cơ sở hạ tầng, nhờ đó tiết giảm chi phí vận hành và bảo trì, đồng thời giảm thiểu các sự gián đoạn của hệ thống hạ tầng ảnh hưởng đến đời sống của người dân và doanh nghiệp.

1.2.2. Các tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực của phát triển đô thị thông minh, qua thực tiễn thí điểm cũng như nghiên cứu, các chuyên gia trên thế giới cũng đã dự báo những mặt trái của đô thị thông minh, bao gồm:

- *Quan hệ xã hội và tính gắn kết của cộng đồng suy giảm:* Do chuyển đổi từ giao tiếp trực tiếp sang giao tiếp gián tiếp

và các phương tiện thông tin khác, một bộ phận dân cư nghèo bị cô lập do không có đủ điều kiện tiếp cận các tiện ích. Bên cạnh đó, việc sử dụng giao tiếp gián tiếp thông qua các phương tiện liên lạc cũng khiến cho số lượng các giao tiếp trực tiếp giảm xuống.

- *Sự dẫn hướng của công nghệ dẫn đến nguy cơ các đô thị thiếu bản sắc:* Các đô thị có thể đánh mất bản sắc riêng của mình nếu quá phụ thuộc vào các giải pháp công nghệ vì việc áp dụng các công nghệ giống nhau vào tất cả các đô thị mà thiếu tính toán đến các yếu tố như sự phù hợp về mặt văn hoá và bản sắc đô thị.

- *Hạn chế về quyền riêng tư và nguy cơ lạm dụng kiểm soát xã hội:* Khả năng theo dõi và tập trung dữ liệu mang lại quyền lực lớn cho người xử lý thông tin. Cho dù đó là chính phủ hay cơ quan tư nhân, bất kỳ ai có quyền truy cập vào dữ liệu của công dân đều có thể kiểm soát, có khả năng thao túng dư luận và tác động tiêu cực tới xã hội. Việc sử dụng camera an ninh và các hệ thống thông minh được kết nối qua tất cả các không gian khác nhau khiến việc duy trì quyền riêng tư của các cá nhân trở nên khó khăn hơn. Các công nghệ như nhận dạng khuôn mặt đã thay đổi mạnh mẽ khái niệm về quyền riêng tư cá nhân.

- *Phụ thuộc thái quá vào mạng lưới điện tử và mạng Internet:* Khi phụ thuộc gần như hoàn toàn vào thiết bị điện tử và mạng Internet, các thành phố mất quyền tự chủ trong việc ra quyết định và có thể trở nên không đủ năng lực để phản ứng hoặc hành động trong một tình huống nếu không có sự hỗ trợ của những công cụ này.

2. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và phát triển các đô thị thông minh

2.1. Đối với các quốc gia đang phát triển

- *Ma-lai-xi-a*: Ma-lai-xi-a đã xây dựng bản quy hoạch ở cấp quốc gia, (National Plan 3), trong đó cấu phần dành cho Sáng kiến về đô thị thông minh là một phần của bản kế hoạch này, với ba mục tiêu chính là: (1) Mở rộng và tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật số. (2) Tăng cường và mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng; và (3) Tăng cường cung cấp cơ sở hạ tầng và dịch vụ cho các sáng kiến về đô thị thông minh. Riêng về chính sách cho đô thị thông minh, việc phát triển đô thị thông minh nằm trong Chính sách quốc gia về đô thị hoá của Ma-lai-xi-a. Mục tiêu của Chính sách đô thị hoá quốc gia là thúc đẩy và điều phối quy hoạch phát triển đô thị bền vững, nhấn mạnh vào sự phát triển cân bằng về thể chất, môi trường, xã hội và kinh tế ở Ma-lai-xi-a. Chính sách đô thị hoá quốc gia đưa ra bốn nguyên tắc như sau: (1) Quản trị đô thị tốt. (2) Thành phố đáng sống. (3) Kinh tế đô thị cạnh tranh, và (4) Phát triển đô thị bao trùm và công bằng.

Chính sách đô thị hoá quốc gia đã công nhận các sáng kiến của đô thị thông minh thông qua các nguyên tắc thứ ba nhằm: (1) Để tạo ra một nền kinh tế đô thị cạnh tranh. (2) Tăng cường ứng dụng kỹ thuật số bằng cách cải thiện sự sẵn sàng của các dịch vụ đô thị thông qua các ứng dụng kỹ thuật số và (3) Khuyến khích ứng dụng kỹ thuật số thông qua phổ biến thông tin và đào tạo. Chính sách đô thị hoá quốc gia cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải có một hệ thống truyền thông hiệu quả trong việc bảo đảm thực hiện xây dựng đô thị thông minh thông qua việc cung cấp băng thông rộng tốc độ cao ở các khu vực đô thị một cách toàn diện và cạnh tranh. Ma-lai-xi-a xác định 8 trụ cột của đô thị thông minh bao gồm: Quản trị thông minh, năng lượng thông minh, tòa nhà thông minh, di chuyển/giao thông thông minh, cơ sở hạ tầng thông minh, công nghệ thông minh, chăm sóc sức khỏe thông minh và công

dân thông minh. Ma-lai-xi-a đã sử dụng cách tiếp cận từ trên xuống với một chiến lược quốc gia về đô thị hoá, trong đó có một phần dành cho đô thị thông minh.

- *Thái Lan*: Tương tự trong cách tiếp cận về xây dựng đô thị thông minh của Ma-lai-xi-a là trường hợp của Thái Lan. Trong xây dựng đô thị thông minh, Thái Lan sử dụng cách tiếp cận theo hai chiều: Từ trên xuống thông qua việc xây dựng Ban Chỉ đạo Quốc gia về xây dựng đô thị thông minh và từ dưới lên thông qua Liên minh các đô thị thông minh và các công ty phát triển đô thị. Mặc dù xác định các vấn đề đô thị đặt ra là khá giống nhau giữa các thành phố như vấn đề ùn tắc giao thông, vấn đề ngập lụt đô thị, vấn đề rác thải đô thị, vấn đề an ninh trong đô thị, nhưng mỗi thành phố của Thái Lan lại đưa ra một mục tiêu hướng tới khác nhau khi xây dựng đô thị thông minh. Ví dụ, thành phố Băng-cốc đưa ra bốn mục tiêu cụ thể là: An toàn, chi dẫn thông minh, xanh và chất lượng sống dành cho mọi người. Thành phố Khon Kaen lại đưa ra hai mục tiêu chính là cơ hội cho đổi mới sáng tạo (khởi nghiệp, vườn ươm khởi nghiệp và phòng thí nghiệm đô thị) và chất lượng cuộc sống. Trong khi đó, thành phố Laem Chabang lại đặt ra ba mục tiêu khi xây dựng đô thị thông minh là cửa ngõ của hành lang kinh tế phía Đông, môi trường trong sạch, cân bằng công việc và cuộc sống.

- *Ấn Độ*: Trong những năm qua, thách thức đô thị hoá mà nhiều thành phố Ấn Độ phải đối mặt liên tục gia tăng. Nhiệm vụ xây dựng đô thị thông minh là một sáng kiến do Chính phủ Ấn Độ tạo ra để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Ấn Độ. Theo sáng kiến này, sự phát triển địa phương có thể được củng cố bằng cách giúp chính quyền địa phương thực hiện các chiến lược đô thị thông minh, có thể tạo ra kết quả hữu ích cho

người dân. Theo tuyên bố và nguyên tắc của nhiệm vụ xây dựng đô thị thông minh được Bộ Phát triển đô thị công bố vào tháng 6/2015, các khu vực đô thị dự kiến sẽ chiếm 40% dân số Ấn Độ và đóng góp 75% GDP của Ấn Độ vào năm 2030. Điều này đòi hỏi sự phát triển toàn diện về hạ tầng vật lý, cơ sở hạ tầng thể chế, xã hội và kinh tế.

Ba trong số các thành phần chính của kế hoạch chiến lược này bao gồm: Cải thiện thành phố, đổi mới thành phố và mở rộng thành phố. Về mặt mục tiêu của sáng kiến này, có tuyên bố rằng: "Theo cách tiếp cận với nhiệm vụ xây dựng đô thị thông minh, mục tiêu là thúc đẩy các thành phố cung cấp cơ sở hạ tầng cốt lõi và mang lại chất lượng cuộc sống tốt cho người dân, môi trường sạch sẽ và bền vững và áp dụng giải pháp thông minh. Trọng tâm là phát triển bền vững, toàn diện và ý tưởng là xem xét các khu vực nhỏ gọn, tạo ra một mô hình có thể nhân rộng cho các thành phố khác. Nhiệm vụ xây dựng đô thị thông minh là thiết lập các điển hình để nhân rộng cho việc tạo ra các đô thị thông minh tương tự trên cả nước". Có hơn 100 thành phố tại Ấn Độ nằm trong danh sách xây dựng đô thị thông minh trong giai đoạn I của nhiệm vụ này.

2.2. Đối với các quốc gia phát triển

Tại các quốc gia phát triển, cách tiếp cận khi xây dựng đô thị thông minh thường mang tính hỗn hợp, kết hợp cả định hướng của thành phố và sự tham gia tích cực của người dân trong xây dựng đô thị thông minh để tạo ra sự đồng thuận vì mục tiêu chung.

- *Xin-ga-po*: Ngay từ những năm 1980, Xin-ga-po đã triển khai công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho giao thông đi lại và dịch vụ công phục vụ cho công dân. Đến nay, Xin-ga-po vẫn tiếp tục duy trì một chính sách về dữ liệu mở mạnh mẽ phục

vụ cho công dân. Xin-ga-po là một điển hình về ứng dụng công nghệ vào quản trị thành phố và nâng cao đời sống của người dân. Cách tiếp cận của Xin-ga-po là cách tiếp cận từ trên xuống do đặc thù là một quốc gia - thành phố nhỏ cả về diện tích và dân cư.

- *Songdo (Hàn Quốc) và Masdar (các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất)*: Đây là hai thành phố tập trung chủ yếu vào yếu tố công nghệ khi xây dựng đô thị thông minh. Đó là những thành phố hoàn toàn mới được xây dựng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để tạo ra những đô thị thông minh. Thuận lợi của các đô thị thông minh này là sự triển khai hoàn toàn mới nên rất dễ dàng tạo nên công nghệ đồng bộ cho đô thị thông minh, nhưng thách thức đặt ra là do chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của người dân, trong khi chính người dân mới là những người phải làm quen với công nghệ của các đô thị thông minh này.

- *Am-xtéc-đam (Hà Lan)*: Thành phố Am-xtéc-đam đặt mục tiêu giảm phát thải khí CO₂, làm mục tiêu trung tâm khi xây dựng đô thị thông minh. Qua đó, thành phố này dựa trên 5 trụ cột chính là: Nhà ở, việc làm, di chuyển, dịch vụ công và dữ liệu mở. Để làm được điều này, thành phố đã mở những diễn đàn để các bên hữu quan trao đổi với nhau nhằm nắm bắt được nhu cầu và những khó khăn của mỗi bên khi triển khai các dự án đô thị thông minh, triển khai thí điểm các ý tưởng đô thị thông minh ở phạm vi hẹp trước khi triển khai rộng rãi quy mô thành phố và mở nguồn dữ liệu về thành phố. Thành phố Am-xtéc-đam là một hình mẫu về việc khai thác dữ liệu lớn từ đô thị để triển khai có hiệu quả đô thị thông minh.

- *Barcelona (Tây Ban Nha)*: Tương tự như Am-xtéc-đam, thành phố Barcelona cũng tập trung vào việc khai thác dữ liệu lớn nhằm phục vụ cho việc xây dựng và triển

khai có hiệu quả đô thị thông minh, đặc biệt trong giai đoạn từ năm 2013 trở lại đây. Ngoài ra, thành phố cũng dựa trên quá trình thử nghiệm trước khi triển khai rộng rãi trên quy mô lớn. Bên cạnh đó, thành phố này còn triển khai xây dựng, thông minh hoá một khu phố nằm ở trung tâm của thành phố. Đây có thể coi là một dạng đô thị thông minh tương tự như Songdo (Hàn Quốc) hay Masdar (các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất), một đô thị thông minh kiểu mẫu để quảng bá cho đô thị thông minh Barcelona. Sự khác biệt là ở chỗ, Barcelona thông minh hoá đô thị sẵn có thay vì xây dựng một đô thị thông minh mới như trường hợp của Songdo và Masdar.

- *Thành phố Luân Đôn (Vương quốc Anh)*: Luân Đôn có mục tiêu trở thành thành phố tốt nhất trên thế giới dựa trên việc ứng dụng những đổi mới trong công nghệ số. Từ những năm 2000, thành phố này đã triển khai công nghệ camera quan sát (hay camera an ninh) để giám sát các không gian công cộng. Chính sách của thành phố là thu hút các doanh nghiệp số hàng đầu trên thế giới về đặt trụ sở tại đây. Bên cạnh đó, thành phố cũng hiện đại hoá các hệ thống, đặc biệt là hệ thống giao thông công cộng sau khi đã tham khảo ý kiến của người dân. Thành phố triển khai một hệ thống tin học trên mạng có tên "Talk London", qua đó thu thập ý kiến người dân, điều tra xã hội học về các lĩnh vực chủ chốt của thành phố như sức khoẻ, an ninh, nhà ở, giáo dục và giao thông. Cách tiếp cận của thành phố Luân Đôn là hỗn hợp, kết hợp giữa định hướng của thành phố và sự tham gia của người dân trong xây dựng đô thị thông minh.

- *Thành phố Montreal (Ca-na-đa)*: Đây là đô thị thông minh của người dân. Từ năm 2013, thành phố đã đặt ra mục tiêu trở thành đô thị thông minh. Cơ quan chuyên trách về đô thị thông minh và số hoá của thành phố được thành lập năm

2014. Quy trình triển khai dựa trên việc tham khảo, điều tra và đồng thuận ý kiến của người dân cũng như sự tham gia của công dân vào các dự án đô thị thông minh của thành phố. Chính việc tham khảo ý kiến rộng rãi của người dân đã giúp thành phố điều chỉnh các chính sách phù hợp với nhu cầu thực tiễn của người dân.

Tóm lại, do tốc độ đô thị hoá đã ở mức rất cao, động lực thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh ở các quốc gia phát triển thường là việc duy trì và nâng cao tính hiệu quả của các hệ thống hạ tầng đô thị sẵn có. Do sự đa dạng về đặc điểm phát triển đô thị tại các quốc gia phát triển, cùng mức độ tự chủ lớn được giao cho các thành phố, các quốc gia phát triển thường lựa chọn cách tiếp cận kết hợp trong xây dựng đô thị thông minh thông qua việc định hướng của thành phố và sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp vào các mục tiêu chung của đô thị thông minh. Trong khi đó, tại các quốc gia đang phát triển, đô thị thông minh được coi là một giải pháp để giải quyết bài toán áp lực đô thị hoá rất mạnh mẽ đang đè nặng lên các quốc gia này. Mặc dù mỗi quốc gia phát triển có nhiều điểm khác biệt về đặc điểm đô thị do những khác biệt về vị trí địa lý, dân cư, địa hình... nhưng điểm chung giữa các quốc gia đang phát triển trong xây dựng đô thị thông minh là áp lực đô thị hoá mạnh mẽ khiến hạ tầng quá tải, vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề ùn tắc giao thông, vấn đề ngập lụt, vấn đề di dân. Ngoài ra, các quốc gia đang phát triển thường trao quyền ít hơn cho các thành phố. Bởi vậy, cách tiếp cận khi xây dựng đô thị thông minh tại các quốc gia này thường là cách tiếp cận từ trên xuống. Tuy vậy, đặc điểm chung của cả các quốc gia phát triển và đang phát triển trong xây dựng đô thị thông minh là việc hướng tới một đô thị sạch hơn, xanh hơn và bền vững hơn

trong dài hạn. Việc tham khảo và học hỏi kinh nghiệm giữa các quốc gia cùng trình độ phát triển và giữa các quốc gia phát triển với các quốc gia đang phát triển sẽ giúp hạn chế được những vấn đề không mong muốn trong quá trình xây dựng đô thị thông minh, giúp quá trình xây dựng và vận hành đô thị thông minh diễn ra nhanh chóng, hiệu quả và hợp lý hơn.

2.3. Lựa chọn các trụ cột của đô thị thông minh

2.3.1. Các trụ cột của đô thị thông minh

Các nghiên cứu trên thế giới thường xác định ra sáu lĩnh vực chính liên quan đến đô thị thông minh: (1) Công dân thông minh. (2) Giao thông/di chuyển thông minh. (3) Môi trường thông minh. (4) Kinh tế thông minh. (5) Quản trị thông minh. (6) Cuộc sống thông minh. Trong mỗi lĩnh vực cụ thể, các thành phố sẽ cụ thể hoá thành các mục tiêu để xác định được đích đến và phương thức, kế hoạch hành động để đạt tới các mục tiêu đã xác định. Cụ thể:

- *Công dân thông minh* tương ứng với sự phát triển của nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua những cải tiến liên tục về năng lực và trình độ của cư dân thành phố trong tất cả các giai đoạn của cuộc sống và sự nghiệp. Kết quả tất yếu sẽ là sự cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và thị trường lao động. Mục tiêu của công dân thông minh là phát triển một thị trường lao động thích ứng và linh hoạt đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động biến động nhanh của xã hội với hệ thống giáo dục phát triển, học tập suốt đời. Công dân thông minh cũng đóng góp vào việc phát triển xã hội bằng cách thúc đẩy đối thoại kinh tế - xã hội, tham gia vào các hoạt động xã hội, đời sống công cộng, giao tiếp xã hội, sử dụng tiềm năng văn hoá, sáng tạo và phát triển cơ sở hạ tầng văn hoá, du lịch và thể thao.

- *Giao thông/di chuyển thông minh* hướng tới việc tạo điều kiện cho các công dân với việc di chuyển nhanh hơn, rẻ hơn và thân thiện hơn với môi trường thông qua việc cải thiện cung cấp quyền truy cập thông tin giao thông và di chuyển tốt hơn. Xây dựng hệ thống giao thông nói chung và giao thông công cộng nói riêng, đáp ứng được nhu cầu của tất cả người dân, hướng người dân tới các hệ thống giao thông thân thiện với môi trường. Điều này đòi hỏi phải thực hiện các giải pháp cung cấp quản lý mạng lưới giao thông đa phương tiện tốt hơn, nâng cao khả năng kết nối cũng như chất lượng của hệ thống giao thông công cộng. Việc di chuyển bằng tất cả các phương thức vận tải được tạo điều kiện, giảm tắc nghẽn giao thông, tăng khả năng vận chuyển trong thành phố và giảm lượng khí thải độc hại với môi trường và gây hiệu ứng nhà kính.

- *Môi trường thông minh* hướng tới mục tiêu duy trì sự cân bằng trong hệ sinh thái. Điều này đòi hỏi phải quản lý hiệu quả và toàn diện các nguồn tài nguyên môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển các kỹ năng để ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. Môi trường thông minh cũng có nghĩa là bảo đảm an ninh sinh thái của cơ sở hạ tầng xã hội và người dân bằng cách cải thiện chất lượng môi trường, liên tục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giá trị cảnh quan, khôi phục và phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái. Môi trường thông minh cũng thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện các giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính, tăng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ liên quan đến cải thiện hiệu quả năng lượng, cải thiện an ninh nguồn cung cấp nhiên liệu và năng lượng, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo và giảm tác động môi trường của

ngành năng lượng. Ý tưởng về đô thị thông minh gắn bó chặt chẽ với ý tưởng về thành phố sinh thái, là một khái niệm trung tâm của đô thị xanh. Một ví dụ điển hình có thể kể đến là đảo Bornholm của Đan Mạch. Do vị trí địa lý và hệ thống nước, sưởi ấm và điện phát triển tốt, hòn đảo này rất lý tưởng để thử nghiệm ô tô điện, pin mặt trời, toà nhà thông minh và hệ thống hạ tầng thông minh khác, tất cả sẽ đóng vai trò quan trọng trong đô thị thông minh tương lai.

- *Kinh tế thông minh* được hiểu là một nền kinh tế dựa trên sự đổi mới và tinh thần kinh doanh, năng suất cao, linh hoạt trong thị trường lao động, cởi mở với hợp tác quốc tế và liên khu vực và khả năng thay đổi và thích ứng với thay đổi. Nói cách khác, theo cách tiếp cận kinh tế thông minh, một nền kinh tế dựa trên việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên được thay thế bằng mô hình kinh tế dựa trên tri thức mới, trong đó động lực của sự phát triển là đổi mới và công nghệ thông tin hiện đại. Các thuộc tính quan trọng của nó bao gồm cạnh tranh toàn cầu, cải tiến công nghệ và tổ chức liên tục.

- *Quản trị thông minh* được hiểu là quản lý công và dịch vụ công thông minh, trong đó tầm quan trọng cao được dành cho sự tham gia của công chúng vào việc ra quyết định và minh bạch các hành động cũng như chất lượng và tính sẵn có của các dịch vụ công cộng. Quản trị thông minh là một quá trình tìm ra một sự cân bằng trong phát triển giữa các yêu cầu môi trường, áp lực xã hội để cải thiện chất lượng cuộc sống và các giải pháp công nghệ sẵn có tại địa phương.

- *Cuộc sống thông minh* được hiểu là một nỗ lực để tạo ra một hệ thống hiệu quả của không gian công cộng đô thị chất lượng cao. Không gian đô thị hấp dẫn và thân thiện với mọi người, kết hợp hài hoà các chủ đề, giá trị và phong cách khác

nhau, phong phú đa dạng nhưng tạo thành một tổng thể mạch lạc và thống nhất. Cuộc sống thông minh gắn liền với việc phân đấu xây dựng các hệ thống không gian công cộng địa phương được sử dụng để thực hiện các chức năng về xã hội, y tế, văn hoá, thể thao và giải trí. Một trong các mục tiêu của cuộc sống thông minh là tạo ra một không gian an toàn và thân thiện cho người đi bộ và người đi xe đạp - nhóm người dễ tổn thương hơn trong môi trường đô thị, với môi trường không khí và nước sạch hơn, nhiều khu vực xanh, vườn cây và công viên cùng với các toà nhà chất lượng cao thân thiện với con người và tiết kiệm năng lượng.

Như vậy, sáu trụ cột chính được nêu trên đều hướng tới mục tiêu mang lại cuộc sống tốt hơn cho người dân, trong đó đôi khi phương tiện để đạt được mục tiêu này đồng thời cũng giúp thành phố hướng tới các mục tiêu khác. Ví dụ, việc giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và khí thải gây ô nhiễm môi trường có thể thực hiện bằng cách sử dụng năng lượng một cách thông minh và hiệu quả hơn, đồng thời tăng sử dụng phương tiện công cộng trong thành phố. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tri thức của người dân cũng đồng thời đóng góp vào việc xây dựng kinh tế thông minh. Do đó, việc lựa chọn xây dựng hệ thống thông minh nào cũng đòi hỏi phải có một cách tiếp cận thông minh.

2.3.2. Kinh nghiệm lựa chọn trụ cột

Khi xây dựng các đô thị thông minh, một câu hỏi được đặt ra cho chính quyền các thành phố là việc lựa chọn xây dựng đô thị thông minh trên các lĩnh vực nào và đâu là lĩnh vực ưu tiên để thực hiện đầu tiên khi xây dựng đô thị thông minh. Việc xác định đúng lĩnh vực ưu tiên là điều kiện cần để triển khai thành công một đô thị thông minh. Kết quả điều tra xã hội học về việc lĩnh vực nào của thành

phố sẽ mang lại nhiều lợi ích nhất khi ứng dụng công nghệ thông minh, hầu hết các thành phố cho rằng đó là lĩnh vực giao thông/di chuyển thông minh, tiếp đến là năng lượng, theo sau là lĩnh vực cấp thoát nước. Có thể nói, đây là những lĩnh vực có tác động lớn đến các thành phố tại tất cả các quốc gia.

Một ví dụ điển hình là dự án đô thị thông minh được triển khai tại thành phố Am-xtéc-đam của Hà Lan. Quá trình chuyển đổi Am-xtéc-đam trở thành đô thị thông minh bắt đầu vào năm 2009, khi tổ chức Amsterdam Innovation Motor cùng với nhà điều hành lưới điện Liander khởi động dự án đô thị thông minh với sự hợp tác chặt chẽ với chính quyền thành phố Am-xtéc-đam. Dự án nhằm mục đích giảm phát thải carbon và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hướng tới tạo ra một thành phố phát triển bền vững và hiệu quả hơn. Điều này đạt được thông qua sự hợp tác giữa các cơ quan chính phủ, các công ty tư nhân, các tổ chức tri thức và công dân Am-xtéc-đam. Tất cả các tác nhân khác nhau này cùng nhau phát triển và triển khai các công nghệ mới trong kết cấu thành phố, điều này không chỉ giúp giảm trực tiếp việc sử dụng năng lượng và khí thải CO, mà còn kích thích sự thay đổi hành vi của cư dân thành phố. Các sáng kiến mới được thử nghiệm trong các dự án địa phương quy mô nhỏ, sau đó với những sáng kiến chứng minh là hiệu quả và thông minh nhất được thực hiện trên quy mô lớn hơn. Để hỗ trợ quá trình thông minh hoá thành phố, Am-xtéc-đam đã chia sẻ dữ liệu đô thị thu thập từ các hệ thống hạ tầng của thành phố thông qua việc xây dựng một ứng dụng trên điện thoại di động để chia sẻ dữ liệu đô thị về thành phố. Các công dân và các nhà phát triển ứng dụng có quyền truy cập thông tin này, do đó có thể tạo các ứng dụng dựa trên dữ liệu của thành phố. Kết quả là

những ứng dụng này đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của thành phố và quan trọng hơn là đóng góp các giải pháp mới giúp ích nhiều hơn cho cuộc sống trong đô thị thông minh.

Thành phố Barcelona (Tây Ban Nha) đã thực hiện một số dự án có thể coi là ứng dụng của đô thị thông minh trong khuôn khổ chiến lược xây dựng đô thị thông minh của mình. Ví dụ, công nghệ cảm biến đã được triển khai cho hệ thống tưới trong công viên Trung tâm Poblenou, nhờ đó dữ liệu về nhu cầu nước cho cây được chuyển theo thời gian thực cho đội làm vườn. Thành phố này cũng triển khai một hệ thống mạng lưới xe bus mới dựa trên việc phân tích các luồng giao thông chính của thành phố, từ đó đưa ra hệ thống giao thông công cộng tối ưu cho thành phố. Việc kết hợp nhiều công nghệ thông minh cho thành phố cũng được thực hiện thông qua hệ thống đèn giao thông thông minh để ưu tiên cho hệ thống phương tiện giao thông công cộng.

Thành phố Columbus, Bang Ohio (Mỹ), bắt đầu sáng kiến đô thị thông minh từ năm 2017. Đối tác của thành phố là công ty điện lực Mỹ tại Ohio để tạo ra các trạm nạp điện thông minh. Rất nhiều các thành phố đã làm giống như Columbus để đối phó với biến đổi khí hậu, thông qua việc sử dụng các nguồn năng lượng từ điện thay vì năng lượng hoá thạch như hệ thống giao thông công cộng, khuyến khích người dân chia sẻ các chuyến đi.

Thành phố Ma-drít (Tây Ban Nha) là một trong những thành phố đi tiên phong trong việc xây dựng đô thị thông minh thông qua nền tảng thông minh MINT để quản lý đồng bộ các dịch vụ khác nhau của thành phố. Các dịch vụ này bao gồm quản lý hạ tầng, thu gom và xử lý, tái chế rác thải, quản lý không gian công cộng và không gian xanh...

Thành phố Manchester (Vương quốc Anh) từ năm 2015 đã chọn dự án CityVerve thắng cuộc và được thưởng 10 triệu bảng Anh để phát triển hệ thống Internet vạn vật của đô thị thông minh. Dự án này thống nhất với mục tiêu phát triển chung của thành phố. Dự án CityVerve dựa trên ý tưởng dữ liệu mở gắn với các ứng dụng được phát triển từ các dữ liệu này trong bốn lĩnh vực then chốt là giao thông và đi lại, y tế và sức khỏe, năng lượng và môi trường, văn hoá và lĩnh vực công.

3. Bài học kinh nghiệm rút ra đối với Việt Nam

3.1. Bảo đảm tính mở của dữ liệu và tính tương thích giữa các hệ thống thông minh

Do đặc thù khác nhau giữa các thành phố, do vậy không thể áp dụng mô hình đô thị thông minh ở một thành phố đã triển khai sang ở một thành phố khác. Các hệ thống thông minh khi triển khai phải bảo đảm tính tương thích, phù hợp với các điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của địa phương và đáp ứng được nhu cầu phát triển của thành phố. Do đó, một yêu cầu quan trọng là phải đặt những vấn đề đô thị cần giải quyết trong một tổng thể của thành phố để có thể lựa chọn được những công nghệ thông minh phù hợp. Một ví dụ đơn giản là việc triển khai một hệ thống giao thông thông minh dựa trên một mạng lưới cảm biến để thu thập và xử lý dữ liệu có thể là quá đắt đỏ đối với các quốc gia đang phát triển nên không phù hợp với yêu cầu của các quốc gia này. Ngược lại, các quốc gia này có thể tận dụng việc khai thác dữ liệu từ điện thoại di động của người dân để đưa ra các giải pháp giao thông thông minh.

Để bảo đảm tính tương thích với địa phương, một việc rất quan trọng là tạo ra các nhóm nghiên cứu đổi mới sáng tạo bao gồm các doanh nghiệp, các trường

đại học và trung tâm nghiên cứu của địa phương, hoặc những nhà nghiên cứu am hiểu địa phương. Việc này không những bảo đảm được tính tương thích mà còn giúp thúc đẩy nghiên cứu đổi mới sáng tạo ở địa phương. Bên cạnh đó, cần hướng tới mô hình dữ liệu mở. Bằng cách công khai dữ liệu, chính quyền thành phố có thể tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu và người dân cơ hội để đóng góp cho thành phố của mình thông qua việc đề xuất các giải pháp thông minh. Tạo ra các trung tâm đổi mới sáng tạo tại các đô thị và những phòng thí nghiệm đời thực. Việc triển khai các hệ thống thông minh trong đô thị thông minh sẽ là cơ hội cho các phòng thí nghiệm và trung tâm đổi mới sáng tạo được triển khai các ý tưởng và thiết kế mới. Những phòng thí nghiệm đời thực có thể triển khai những ý tưởng này trên thực tiễn để cả nhà sản xuất và người dùng (ở đây là các công dân) sẽ cùng nhau hoàn thiện các sản phẩm này. Mở rộng mạng lưới đổi mới sáng tạo vùng và các mối quan hệ hợp tác quốc tế về đô thị thông minh. Việc này sẽ giúp tận dụng được kinh nghiệm của các thành phố có cùng các vấn đề đô thị, đồng thời giúp các thành phố tiết kiệm được chi phí đầu tư và chi phí nghiên cứu.

3.2. Chuẩn bị kỹ càng về nguồn nhân lực

Để một thành phố trở thành đô thị thông minh, nguồn nhân lực đóng một vai trò rất quan trọng. Bởi việc triển khai, vận hành và bảo trì các hạ tầng trong đô thị thông minh phải được thực hiện đúng cách và có hiệu quả. Do vậy, việc đầu tư vào công nghệ thông minh thôi là chưa đủ mà các thành phố cần phải có sự đầu tư để có được nguồn nhân lực thông minh. Muốn làm được điều này, các thành phố, trước hết cần phải đánh giá được nhu cầu và những thiếu hụt về nguồn nhân lực phục vụ cho đô thị

thông minh; thông qua đó, đẩy mạnh các chương trình đào tạo về khoa học, công nghệ, kỹ sư và toán học. Bởi đây là những lĩnh vực quan trọng gắn với việc khai thác dữ liệu từ đô thị thông minh.

Bên cạnh đó, các quốc gia cũng cần cấu trúc lại các chương trình đào tạo tại các cấp học phù hợp với nhu cầu phát triển đô thị thông minh, khuyến khích việc học tập đa lĩnh vực. Bởi đô thị thông minh là một khái niệm đa ngành, đa lĩnh vực và đòi hỏi sự hợp tác của các chuyên gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Ngoài ra, các thành phố cần hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực cho đô thị thông minh. Các doanh nghiệp tư nhân khi tham gia và việc cung cấp các giải pháp cho đô thị thông minh cũng đồng thời có thể cung cấp các dịch vụ đào tạo, vận hành đô thị thông minh cho các thành phố, bởi họ là những người hiểu rất rõ về các hệ thống thông minh được triển khai.

3.3. Chuẩn bị nguồn vốn và xây dựng mô hình kinh tế cho đô thị thông minh

Việc triển khai các dự án hạ tầng thông minh thường dựa trên mô hình hợp tác công - tư PPP. Các dự án đô thị thông minh thường phức tạp và là những dự án dài hạn gắn với nhiều đối tác và chứa đựng nhiều rủi ro. Đặc biệt, do đều là các dự án chưa có tiền lệ nên mô hình kinh tế của các dự án loại này thường tiềm ẩn rủi ro cao cho các thành phố. Để vượt qua được khó khăn này, trước hết các thành phố cần phải triển khai được mô hình tài chính sáng tạo dựa trên công nghệ. Đô thị thông minh dựa vào việc triển khai các hạ tầng thông minh nhằm tiết kiệm các nguồn lực. Nếu có thể đo lường được số lượng nguồn lực tiết kiệm được nhờ triển khai công nghệ thông minh và sau đó tiền tệ hoá chúng bằng các mô hình kinh tế thì có thể tính toán được hiệu quả kinh tế -

xã hội của các khoản đầu tư cho đô thị thông minh.

Về khai thác nguồn dữ liệu đô thị, các hạ tầng thông minh sẽ giúp thu thập và sản xuất ra một khối lượng dữ liệu đô thị rất lớn. Nguồn dữ liệu này hoàn toàn có thể được bán cho một bên thứ ba khai thác để tạo ra nguồn thu cho thành phố bảo đảm tính bền vững cho các khoản đầu tư xây dựng và vận hành đô thị thông minh. Tuy nhiên, để làm được điều này, các thành phố cần phải tạo ra một chuỗi giá trị và một mô hình kinh tế phù hợp với các dữ liệu ở nhiều tầng khác nhau. Một lưu ý trong quá trình khai thác dữ liệu là việc phải bảo đảm sự tôn trọng quyền riêng tư và tự do cá nhân của các công dân. Ngoài ra, việc triển khai các hệ thống thông minh cũng có thể giúp cho thành phố tiết kiệm được ngân sách và sử dụng nguồn ngân sách này để phục vụ cho các mục tiêu công cộng khác.

3.4. Thay đổi mô hình và cách thức quản lý đô thị

Đô thị thông minh đòi hỏi một mô hình quản trị mới. Để quản trị tốt đô thị thông minh, các thành phố cần phải kết hợp cả hai cách tiếp cận là từ trên xuống và từ dưới lên. Sự kết hợp giữa cách quản lý truyền thống (lãnh đạo ra quyết định) và những kết quả của các hệ thống thông minh trợ giúp cho việc ra quyết định (từ dưới lên) đòi hỏi lãnh đạo thành phố phải thay đổi và linh hoạt hơn. Kim chỉ nam cho việc thay đổi mô hình quản trị là luôn đặt người dân ở vị trí trung tâm khi ra quyết định. Ngoài ra, cần phải tạo ra cơ chế phối hợp tốt giữa các bộ phận, giữa các sở, ngành của thành phố, bởi đây là điều kiện cần thiết để đô thị thông minh có thể triển khai một cách hiệu quả.

Để làm được điều này, cần thiết lập các diễn đàn online, các ứng dụng thông minh để lãnh đạo và quản lý của thành phố có thể giao tiếp, đón nhận những ý

kiến và phản hồi của các công dân về các vấn đề của thành phố và các vấn đề liên quan đến việc triển khai đô thị thông minh, tạo điều kiện cho người dân được tham gia nhiều hơn và trực tiếp hơn vào việc quản lý thành phố của mình. Những diễn đàn online, thông minh hoặc những nền tảng (platform) thông minh này sẽ giúp cho việc minh bạch hoá và tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình quản lý và vận hành đô thị thông minh. Bên cạnh đó, cần phải triển khai những trung tâm điều hành về đô thị thông minh nhằm xoá bỏ tình trạng chia cắt về quản lý vận hành thành phố giữa các ngành và lĩnh vực, tăng liên thông các thủ tục hành chính. Đô thị thông minh tạo ra một lượng dữ liệu lớn về khối lượng và phong phú về nội dung, trước đây những dữ liệu này thường được quản lý và khai thác bởi các sở, ngành riêng biệt trong thành phố. Nếu không dỡ bỏ những rào cản thủ tục hành chính thì sẽ không thể khai thác một cách có hiệu quả lượng dữ liệu đô thị lớn này và khó có thể xây dựng thành công đô thị thông minh. Những dữ liệu này khi khai thác kết hợp

để làm đầu vào cho việc ra quyết định sẽ giúp nâng cao việc minh bạch hoá quá trình quản lý thành phố.

3.5. Chú ý tới vấn đề bất bình đẳng đô thị

Việc xây dựng và vận hành đô thị thông minh phải bảo đảm rằng không có nhóm dân cư nào hoặc khu vực nào trong thành phố không được hưởng những lợi ích từ đô thị thông minh, cũng như không có nhóm hay khu vực dân cư nào bị ảnh hưởng quá từ các chi phí xã hội của việc xây dựng đô thị thông minh. Ví dụ, các nhóm dân số dễ tổn thương trong xã hội như phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật... đều phải được tính đến khi triển khai đô thị thông minh. Một trong những điểm rất quan trọng là không phải người dân nào cũng có đầy đủ phương tiện và kỹ năng để có thể được hưởng lợi từ các ứng dụng, hạ tầng thông minh. Như vậy, việc trang bị cho nhóm người dân này các phương tiện và kỹ năng để có thể khai thác được lợi ích từ đô thị thông minh là một trong các nhiệm vụ cần phải làm.

CHUYÊN ĐỀ: BÁO CÁO CHÂN DUNG THẾ HỆ Z – SINH VIÊN MỚI RA TRƯỜNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP

(Nguồn: Tập đoàn Navigos Group Việt Nam)

Thập niên 2020 bắt đầu cũng là thời điểm thế hệ Z bắt đầu những năm tháng đầu tiên trong sự nghiệp. Thế hệ Z được sinh ra trong khoảng từ năm 1996 – 2000 hiện tại đang trở thành thế hệ mới nhất tham gia vào lực lượng lao động. Sinh ra và lớn lên với sự phát triển vượt bậc của công nghệ, thế hệ Z đang từng ngày chứng minh khả năng dẫn dắt lực lượng lao động toàn cầu trong tương lai. Báo cáo Chân dung thế hệ Z – Sinh viên mới ra trường và xu hướng phát triển sự nghiệp gồm hai phần chính: Báo cáo về đặc điểm tính cách và trí tuệ của nhóm đối tượng thế hệ Z – sinh viên mới ra trường và những đề xuất cho doanh nghiệp trong việc đánh giá và tuyển dụng thế hệ này.

* Phương pháp thực hiện:

- Báo cáo dựa trên việc thu thập thông tin và phân tích kết quả từ 1000 bài kiểm tra 3E-IP với đối tượng sinh viên mới ra trường để đánh giá về xu hướng tính cách, hành động, suy nghĩ của nhóm đối tượng này.

- Ngoài ra, Báo cáo còn sử dụng kết quả của nhóm người đi làm đã có kinh nghiệm để đối chiếu, so sánh với nhóm sinh viên mới ra trường. Từ đó, đưa ra những nhận định chung về nhóm thế hệ Z và sự hòa hợp với môi trường làm việc cũng như xu hướng phát triển so với những thế hệ trước.

I. Mục tiêu của báo cáo

1. Phân tích xu hướng tính cách, hành

động, suy nghĩ của thế hệ Z.

2. Giúp doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ứng viên trẻ dựa trên chân dung thế hệ.

II. Tổng quan về báo cáo

1. Khái quát về nhóm dữ liệu

- Thế hệ Z được định nghĩa là những bạn trẻ có năm sinh thuộc nửa sau của thập niên 1990 cho tới những năm đầu của thập niên 2000 (khoảng 1996 đến 2001).

- Thế hệ Z đạt độ tuổi trưởng thành khi thế giới bước vào năm 2020 và có chính thức tham gia vào lực lượng lao động. Tại Việt Nam, tính đến năm 2025, thế hệ Z sẽ chiếm khoảng 25% lực lượng lao động, tương đương với 15 triệu người.

- Thế hệ Z được sinh ra và trưởng thành trong thời đại Công nghệ, với những ứng dụng vượt bậc của Internet, thiết bị di động, truyền thông xã hội,... Điều này góp phần định hình hành vi và thay đổi xu hướng tiêu dùng cũng như phong cách làm việc, định hướng về sự nghiệp của thế hệ Z so với những thế hệ trước đó.

2. Đặc điểm tính cách

Việc phân loại đặc điểm tính cách sẽ giúp doanh nghiệp tìm ra những đặc điểm chung của nhóm nhân viên để ứng dụng trong huấn luyện và đào tạo, đồng thời, áp dụng những cách quản lý phù hợp để nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc của nhân viên một cách tối đa. Nhóm đặc điểm tính cách gồm 05 xu hướng:

Phụ thuộc	Chuyên gia	Độc lập	Hỗ trợ	Ổn định
* <i>Đặc điểm tính cách:</i> - Chăm chỉ, thích hợp tác. - Quan sát tốt để hành động	* <i>Đặc điểm tính cách:</i> - Tập trung vào mục tiêu. - Thích nhận thêm nhiều nội	* <i>Đặc điểm tính cách:</i> - Tiên phong, chủ động, có chính kiến. - Không phụ	* <i>Đặc điểm tính cách:</i> - Hỗ trợ, chia sẻ và giúp đỡ. - Kiên trì, thích hợp làm việc	* <i>Đặc điểm tính cách:</i> - Thích ứng nhanh, ổn định. - Có thể làm việc với nhiều nhóm

Phụ thuộc	Chuyên gia	Độc lập	Hỗ trợ	Ổn định
- Dễ tạo thiện cảm - Thiếu sự chủ động và tự giác - Thiếu tự tin với những môi trường và thử thách mới	dung công việc mới. - Ít phát biểu, đôi khi chỉ ưu tiên nhiệm vụ của mình.	thuộc, thích thử thách và đổi mới. - Ít hỗ trợ, ít thấu hiểu.	nhóm. - Thích sự ổn định hơn việc phải thay đổi. - Thiếu chính kiến và ít phát biểu.	khác nhau. - Khó thay đổi, thường sẽ phát triển chậm
* <i>Cách quản lý hiệu quả:</i> Có thể thử thách công việc của họ bằng vị trí cao hơn hoặc nhiều thử thách hơn, họ sẽ phát triển bằng cách dần dần có những sáng kiến và chủ động có sự đổi mới	* <i>Cách quản lý hiệu quả:</i> Tạo nên những tình huống có chủ đích để giúp họ tăng khả năng giao tiếp và truyền đạt ý tưởng.	* <i>Cách quản lý hiệu quả:</i> Đào tạo tự nhận thức về những lợi ích của làm việc nhóm và gắn kết với môi trường xung quanh. Ngoài ra, để cho họ có cơ hội tự thử nghiệm và có sai sót, từ đó rút ra được bài học cho mình.	* <i>Cách quản lý hiệu quả:</i> Nên sắp xếp và xác định rõ vai trò của nhân viên thuộc nhóm tính cách này và họ sẽ phù hợp hơn trong môi trường làm việc mà mọi người cùng nhau hợp tác để đạt được thành quả chung.	* <i>Cách quản lý hiệu quả:</i> Giúp họ đặt ra những mục tiêu cao, liên kết với những người xung quanh mình, họ sẽ có khả năng phát huy các điểm mạnh và cải thiện những điểm yếu.

Qua khảo sát, nhóm tính cách độc lập chiếm đa số trong lực lượng lao động

Dựa trên dữ liệu, nhóm tính cách Độc lập chiếm phần đông nhất trong lực lượng lao động, với 40% ở nhóm thế hệ Z – Mới ra trường và 35% ở nhóm Có kinh nghiệm. Thế hệ Z có xu hướng tính cách thuộc Nhóm Độc lập trong khi nhóm nhân viên có kinh nghiệm cho thấy xu hướng tính cách Ổn định và Hỗ trợ nhiều hơn.

Chiếm thấp nhất trong đội ngũ, chưa đầy 10%, chỉ có 5% nhóm sinh viên mới ra trường thuộc nhóm Chuyên gia và con số này chỉ chiếm 3% với nhóm nhân viên có kinh nghiệm.

3. Mức năng lượng

- Nhóm sinh viên mới ra trường có sự tham vọng cao hơn nhóm có kinh nghiệm: Theo thống kê, có đến 91% sinh viên mới ra trường thể hiện Sự tham vọng cao ở các mức độ khác nhau, trong đó 24% có sự tham vọng cao và 67% ở mức trung bình.

Tuy nhiên, với nhóm nhân viên có kinh nghiệm, sự nhiệt huyết và tham vọng trong công việc có xu hướng giảm khi đã làm việc lâu năm hơn, với lần lượt 17% có sự tham vọng ở mức cao, 72% ở mức trung bình và 11% ở mức thấp.

- Sự quyết đoán hầu như không thay đổi: Dù là nhóm thế hệ Z - Mới ra trường hay nhóm nhân viên đã có kinh nghiệm, tỉ trọng của tính quyết đoán không có quá nhiều khác biệt, theo đó, 5% lực lượng lao động có tính quyết đoán cao, theo sau là từ 54-56% thể hiện khả năng quyết đoán ở mức trung bình và 41-39% ở mức thấp.

- Chênh lệch trong khả năng hành động nhanh của hai nhóm nhân viên: Theo kết quả của Báo cáo, có đến hơn ½ nhóm nhân viên có kinh nghiệm được phân loại vào **Nhóm trung bình** - tức có khả năng tổng hòa giữa việc lập kế hoạch và thực thi, khả năng hành động nhanh chậm tùy tình huống. Tuy nhiên con số này ở nhóm sinh viên mới ra trường hay thế hệ Z thấp

hơn đến 10%, chỉ chiếm 41%. Theo đó, nhóm sinh viên mới ra trường có xu hướng thuộc **Nhóm lên kế hoạch** nhiều hơn (chiếm 40%) và cũng có xu hướng thuộc **Nhóm hành động nhanh** mà ít suy nghĩ hơn (chiếm 19%, hơn nhóm nhân viên có kinh nghiệm 4%).

4. Khả năng giao tiếp

- Sinh viên mới ra trường thể hiện khả năng “truyền đạt” tốt hơn “lắng nghe”: Theo kết quả bài kiểm tra, lên đến 81% nhóm sinh viên mới ra trường biết thể hiện bản thân tốt thông qua khả năng truyền đạt tốt, dễ hiểu và có thể thuyết phục người khác. Ngược lại, chỉ có 19% thể hiện mình là người lắng nghe giỏi qua khả năng thấu hiểu và truyền cảm xúc tích cực cho người đối diện.

- Khi giao tiếp, nhóm thế hệ Z có xu hướng ưu tiên người khác hơn: Chiếm tỉ lệ đến $\frac{3}{4}$ là nhóm thế hệ Z có ưu tiên đến cảm xúc của đối phương khi giao tiếp và có khả năng thể hiện thiện cảm. Chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ là nhóm sinh viên ưu tiên thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của bản thân mà ít quan tâm đến cảm xúc của người khác.

- Mức độ tạo thiện cảm và ưu tiên cảm xúc đối phương giảm dần theo thâm niên đi làm: Theo số liệu, hai nhóm nhân viên đều sở hữu khả năng giao tiếp khá tương đồng, không có chênh lệch quá nhiều. Cụ thể, với tỉ trọng nhóm lắng nghe – nhóm thể hiện ở thế hệ Z là 19% - 81%, thì ở nhóm có kinh nghiệm là 17% - 83%. Thế hệ Z có tỉ trọng Nhóm ưu tiên người khác – Nhóm ưu tiên bản thân là 76% - 24%, trong khi con số này ở nhóm có kinh nghiệm là 73% - 27%. Từ đó, có thể nhận định rằng nhóm có kinh nghiệm đi làm lâu năm hơn lại có xu hướng thể hiện bản thân mình nhiều hơn và ưu tiên nói ra cảm xúc và suy nghĩ của bản thân hơn.

5. Khả năng chịu áp lực: 70% nhóm nhân viên có khả năng chịu áp lực tốt và

rất tốt: Trước áp lực chung của công việc, nhóm nhân viên bao gồm cả sinh viên mới ra trường và nhóm nhân viên có kinh nghiệm đều có khả năng chịu áp lực ổn định. Nhóm sinh viên mới ra trường có 22% chịu áp lực “Rất tốt” và 52% chịu áp lực ở mức “Tốt”, con số này ở nhóm nhân viên có kinh nghiệm lần lượt là 19% và 50%. Chiếm chưa đến $\frac{1}{4}$, 24% nhóm thế hệ Z chỉ chịu áp lực ở mức “Trung bình” và 2% ở nhóm Thấp.

6. Xu hướng nghề nghiệp

- Thế hệ Z có xu hướng phát triển thành quản lý hoặc đóng góp cho cộng đồng: Với mức năng lượng và tham vọng cao, chiếm phần lớn nhất trong các xu hướng, có đến 29% các bạn trẻ thể hiện xu hướng phát triển thành quản lý trên nấc thang doanh nghiệp, tỉ lệ này ở nhóm nhân viên có kinh nghiệm là 27% và chỉ chênh lệch 2%. Xu hướng tiếp theo được ghi nhận là xu hướng đóng góp cho cộng đồng. Theo đó, 28% nhóm sinh viên mới ra trường có xu hướng phát triển bản thân để đóng góp cho cộng đồng nhiều hơn, đây cũng là xu hướng đứng thứ hai ở nhóm nhân viên có kinh nghiệm với 22%.

- Chiếm số lượng ít trong lực lượng lao động có xu hướng trở thành chủ doanh nghiệp: Chỉ 3% trong số kết quả kiểm tra, ở cả hai nhóm nhân viên cho thấy xu hướng trở thành chủ doanh nghiệp khởi nghiệp. Theo đó, nhóm nhân viên này có đặc điểm biết tối ưu năng lực bản thân để vượt qua khó khăn và phát triển ra những điều mới mẻ.

- Nhóm nhân viên có kinh nghiệm xem trọng sự ổn định hơn thế hệ Z: Có đến 16% số nhân viên có kinh nghiệm xem trọng xu hướng ổn định tại một công ty, trong khi tỷ lệ này ở nhóm thế hệ Z chỉ ở 7%, tức chênh lệch đến 9%. Nhóm nhân viên có kinh nghiệm cũng cho thấy xu hướng xem trọng đời sống cá nhân hơn, chiếm tỷ lệ 8%, đối với nhóm sinh viên mới ra trường yếu tố này chiếm 7%.

III. Đặc điểm tính cách chân dung thế hệ Z - mới ra trường

- Thông qua phân tích toàn diện về tính cách, thế hệ Z (mới ra trường) được mô tả là một thế hệ giàu năng lượng, nhiệt huyết và năng động. Với mức năng lượng cao và việc sẵn sàng đón nhận thử thách và áp lực trong công việc, phần lớn thế hệ Z có kỳ vọng trong việc thăng tiến trong sự nghiệp và phát triển về mặt chuyên môn. Trong môi trường làm việc, họ là thế hệ khéo léo trong giao tiếp và có khả

năng thể hiện thiện cảm để có thể dễ dàng phối hợp trong công việc của tập thể. Tuy nhiên, việc thiếu kinh nghiệm ảnh hưởng đến khả năng quyết đoán, dẫn đến, việc thế hệ Z có xu hướng lên kế hoạch nhưng chưa dứt khoát thực hiện.

- Với những xu hướng phát triển như trên, thế hệ Z (mới ra trường) thể hiện họ là lực lượng lao động tiên phong và có nhiều tiềm năng để phát triển khi được trao đúng cơ hội nghề nghiệp và phát triển.

Chỉ đạo xuất bản:

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐOÀN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Đồng chí NGUYỄN BÌNH MINH

Chánh Văn phòng Trung ương Đoàn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Đồng chí TRẦN VĂN ĐÔNG

Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đoàn

Biên tập nội dung: Phòng Tổng hợp - Thi đua
Văn phòng Trung ương Đoàn